

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ TĨNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 21 /2008/QĐ-UBND

Hà Tĩnh, ngày 22 tháng 7 năm 2008

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng bằng nguồn vốn ngân sách và vốn có nguồn gốc từ ngân sách trên địa bàn tỉnh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số 16/2005/NĐ-CP ngày 07/02/2005 của Chính phủ về quản lý đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Thông tư số 02/2007/TT-BXD ngày 14/02/2007 của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung về: Lập, thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình; giấy phép xây dựng và tổ chức quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình quy định tại Nghị định số 16/2005/NĐ-CP ngày 07/02/2005 và Nghị định số 112/2006/NĐ-CP ngày 29/9/2006 của Chính phủ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế Tổ chức và hoạt động của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng bằng nguồn vốn ngân sách và vốn có nguồn gốc từ ngân sách trên địa bàn tỉnh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc sở, Thủ trưởng ban, ngành cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố, Thủ trưởng cơ quan liên quan và Giám đốc (Trưởng ban) các Ban quản lý dự án chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Cục Kiểm tra văn bản Bộ Tư pháp;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- TT. Tỉnh ủy, TT. HĐND tỉnh;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Lưu VP. UBND tỉnh. SNV.



Lê Văn Chất

QUY CHẾ

**Tổ chức và hoạt động của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng bằng nguồn
vốn ngân sách và vốn có nguồn gốc từ ngân sách trên địa bàn tỉnh**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 21 /2008 /QĐ-UBND
ngày 22 tháng 7 năm 2008 của UBND tỉnh)

**Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi: Các dự án sử dụng vốn ngân sách Nhà nước và có nguồn gốc từ ngân sách Nhà nước, bao gồm:

- a. Vốn ngân sách Nhà nước cấp;
- b. Vốn tín dụng do Nhà nước bảo lãnh;
- c. Vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước;

2. Đối tượng áp dụng:

a. Ban Quản lý dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước và có nguồn gốc ngân sách Nhà nước do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập;

b. Ban Quản lý dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước và có nguồn gốc ngân sách Nhà nước do Giám đốc sở, Thủ trưởng ban, ngành cấp tỉnh quyết định thành lập;

c. Ban Quản lý dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước và có nguồn gốc ngân sách Nhà nước do Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố quyết định thành lập.

Ban Quản lý dự án sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) không áp dụng Quy chế này.

Điều 2. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Ban quản lý dự án

1. Ban quản lý dự án do Chủ đầu tư quyết định thành lập trong trường hợp Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án, là đơn vị trực thuộc Chủ đầu tư, có tên giao dịch, có tư cách pháp nhân hoặc sử dụng tư cách pháp nhân của Chủ đầu tư để thực hiện quản lý dự án và có tài khoản riêng.

Đối với những dự án quy mô nhỏ, đơn giản có tổng mức đầu tư dưới 1 tỷ đồng thì Chủ đầu tư có thể không thành lập Ban quản lý dự án mà sử dụng các đơn vị chuyên môn của mình để quản lý dự án; trường hợp cần thiết có thể thuê người có chuyên môn, kinh nghiệm để giúp quản lý dự án.

2. Ban quản lý dự án chuyên trách được thành lập ở các huyện, thị xã, thành phố, mỗi huyện, thị xã, thành phố được thành lập 01 Ban quản lý dự án chuyên trách; đối với các ngành cấp tỉnh chỉ được thành lập khi được người có thẩm quyền quyết định đầu tư cho phép.

3. Cơ quan quyết định thành lập Ban quản lý dự án:

a. Ủy ban nhân dân tỉnh: Quyết định thành lập đối với những dự án quan trọng, trọng điểm của tỉnh do Ủy ban nhân dân tỉnh trực tiếp làm Chủ đầu tư;

b. Sở, ban, ngành cấp tỉnh: Quyết định thành lập đối với những dự án được cấp quyết định đầu tư giao hoặc uỷ quyền làm Chủ đầu tư;

c. Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố: Quyết định thành lập đối với những dự án do Ủy ban nhân dân cấp huyện làm Chủ đầu tư.

Cơ quan làm Chủ đầu tư phải thành lập Ban quản lý dự án để quản lý dự án (trừ các dự án quy mô nhỏ, đơn giản quy định tại khoản 1 Điều này).

4. Ban quản lý dự án thực hiện nhiệm vụ do Chủ đầu tư giao và quyền hạn do Chủ đầu tư uỷ quyền. Ban quản lý dự án chịu trách nhiệm trước Chủ đầu tư và pháp luật theo nhiệm vụ được giao và quyền hạn được uỷ quyền.

5. Ban quản lý dự án được đồng thời quản lý nhiều dự án khi có đủ điều kiện, năng lực và được Chủ đầu tư giao. Ban quản lý dự án không có đơn vị trực thuộc dưới bất kỳ hình thức nào.

Đối với các dự án đầu tư xây dựng công trình quy mô lớn, phức tạp hoặc theo tuyến thì Ban quản lý dự án được thuê các tổ chức tư vấn để quản lý các dự án thành phần.

6. Trường hợp dự án thực hiện theo hình thức tổng thầu, ngoài việc phải thực hiện các nhiệm vụ theo quy định tại nhiệm vụ và quyền hạn của Ban quản lý dự án còn phải thực hiện các công việc sau:

a. Thoả thuận với tổng thầu về hồ sơ mời thầu, hồ sơ mời thầu mua sắm thiết bị công chủ yếu và chi phí mua sắm thiết bị thuộc tổng giá trị của hợp đồng;

b. Phê duyệt danh sách các Nhà thầu phụ trong trường hợp chỉ định tổng thầu.

7. Ban quản lý dự án chịu trách nhiệm trước người có thẩm quyền quyết định đầu tư, trước Chủ đầu tư và pháp luật về hoạt động của mình trong việc thực hiện các nhiệm vụ được giao.

8. Ban quản lý dự án có trách nhiệm giải trình với Chủ đầu tư, các cơ quan quản lý nhà nước, các cơ quan bảo vệ pháp luật về các vấn đề thuộc thẩm quyền khi có yêu cầu theo quy định của pháp luật.

9. Mọi hoạt động của Ban quản lý dự án phải được công khai và chịu sự giám sát theo các quy định của pháp luật.

10. Quản lý có hiệu quả, chống thất thoát, lãng phí các nguồn lực của dự án.

Thực hiện các quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng và có các quy định, các biện pháp về phòng, chống tham nhũng.

11. Việc Chủ đầu tư giao nhiệm vụ, quyền hạn cho Ban quản lý dự án phải đảm bảo nguyên tắc: Phân định rõ trách nhiệm của Chủ đầu tư và Ban quản lý dự án; phân cấp mạnh cho Ban quản lý dự án theo tinh thần nhiệm vụ phải đi đôi với quyền hạn để giảm tối đa các thủ tục hành chính giữa Chủ đầu tư và Ban quản lý dự án; đồng thời, vẫn đảm bảo nguyên tắc Chủ đầu tư phải kiểm soát được và chịu trách nhiệm về quá trình quản lý thực hiện dự án.

12. Giám đốc sở, Thủ trưởng ban, ngành cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố không kiêm nhiệm Giám đốc hoặc Trưởng ban Ban quản lý dự án.

Chương II

NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN, CƠ CẤU TỔ CHỨC, KINH PHÍ HOẠT ĐỘNG VÀ CHẾ ĐỘ CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG CỦA BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN

Điều 4. Nhiệm vụ, quyền hạn

Tuỳ theo đặc điểm cụ thể của dự án, Chủ đầu tư có thể uỷ quyền cho Ban quản lý dự án thực hiện một phần hoặc toàn bộ các nhiệm vụ, quyền hạn sau :

1. Lập kế hoạch thực hiện dự án.

Ban quản lý dự án có trách nhiệm xây dựng kế hoạch tổng thể và kế hoạch chi tiết hàng năm về thực hiện dự án (Kế hoạch đấu thầu, tiến độ triển khai, kế hoạch bố trí lao động, cung ứng vật tư, thiết bị, kế hoạch giải ngân, kế hoạch chi ...).

2. Thực hiện các thủ tục về giao nhận đất, xin cấp giấy phép xây dựng, chuẩn bị mặt bằng xây dựng và các công việc khác phục vụ cho việc xây dựng công trình.

3. Chuẩn bị hồ sơ thiết kế, dự toán, tổng dự toán xây dựng công trình để Chủ đầu tư tổ chức thẩm định, phê duyệt theo quy định.

4. Lập hồ sơ mời thầu, tổ chức lựa chọn nhà thầu.

5. Đàm phán, ký kết hợp đồng với các Nhà thầu theo uỷ quyền của Chủ đầu tư.

6. Thực hiện nhiệm vụ giám sát thi công xây dựng công trình, giải quyết các vướng mắc trong quá trình thi công.

7. Nghiệm thu, thanh toán, quyết toán theo hợp đồng ký kết.

8. Quản lý chất lượng, khối lượng, tiến độ, chi phí xây dựng, an toàn và vệ sinh môi trường của công trình xây dựng.

9. Nghiệm thu, bàn giao công trình.

10. Lập báo cáo thực hiện vốn đầu tư hàng năm, báo cáo quyết toán khi dự án hoàn thành đưa vào khai thác, sử dụng.

11. Quản lý tổ chức nhân sự, tài chính, tài sản của Ban quản lý dự án theo quy định của pháp luật và phân cấp của Ủy ban nhân dân tỉnh.

12. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Chủ đầu tư giao.

Điều 5. Cơ cấu tổ chức

1. Ban quản lý dự án có Giám đốc, Phó Giám đốc (hoặc Trưởng ban, Phó Trưởng ban, sau đây gọi chung là Giám đốc, Phó Giám đốc) và các phòng hoặc bộ phận chuyên môn nghiệp vụ; những người tham gia Ban quản lý dự án có thể làm việc theo chế độ chuyên trách hoặc kiêm nhiệm. Giám đốc, Phó Giám đốc và những người phụ trách về kỹ thuật, kinh tế, tài chính phải có trình độ đại học thuộc chuyên ngành phù hợp với lĩnh vực phụ trách và có kinh nghiệm làm việc chuyên môn tối thiểu 3 năm. Riêng với các dự án nhóm C ở vùng sâu, vùng xa thì các chức danh nói trên có thể giao cho những người có trình độ cao đẳng hoặc trung cấp chuyên ngành phù hợp.

2. Giám đốc là người đứng đầu Ban quản lý dự án; quản lý, điều hành các hoạt động theo chế độ thủ trưởng, chịu trách nhiệm trước Chủ đầu tư, Ủy ban nhân dân tỉnh và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động của Ban quản lý dự án.

3. Phó Giám đốc là người giúp việc cho Giám đốc, được Giám đốc phân công theo dõi, thực hiện một số lĩnh vực công tác; chịu trách nhiệm trước Giám đốc, Chủ đầu tư và trước pháp luật về lĩnh vực được phân công hoặc uỷ quyền.

4. Các phòng nghiệp vụ thuộc Ban quản lý dự án do Chủ đầu tư quyết định thành lập theo đề nghị của Giám đốc Ban quản lý dự án.

Nhiệm vụ, quyền hạn của các phòng nghiệp vụ do Giám đốc Ban quản lý dự án Quyết định sau khi có sự thoả thuận bằng văn bản của Chủ đầu tư.

5. Việc tuyển dụng, bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật Giám đốc, Phó Giám đốc, các chức danh khác của Ban quản lý dự án thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước và phân cấp quản lý cán bộ, công chức, viên chức của Ủy ban nhân dân tỉnh.

6. Ban quản lý dự án được bố trí từ 3 đến 5 chuyên trách (Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán và cán bộ kỹ thuật) tùy theo quy mô, tính chất và mức độ phức tạp của dự án. Ngoài ra, Ban quản lý dự án được ký hợp đồng lao động để đáp ứng yêu cầu quản lý dự án theo sự chấp thuận của Chủ đầu tư.

Điều 6. Kinh phí hoạt động của Ban, chế độ của thành viên, cán bộ Ban quản lý dự án

1. Kinh phí hoạt động của Ban quản lý dự án chủ yếu trích từ nguồn kinh phí quản lý dự án, ngân sách chỉ hỗ trợ trong trường hợp cần thiết để đảm bảo duy trì hoạt động, thực hiện dự án. Kinh phí ngân sách Nhà nước hỗ trợ được lấy từ nguồn ngân sách của cấp quyết định thành lập Ban quản lý dự án.

2. Cán bộ chuyên trách và lao động hợp đồng thuộc Ban quản lý dự án được hưởng các chế độ về tiền lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và các chế độ khác (nếu có) theo quy định.

3. Cán bộ, công chức kiêm nhiệm quản lý dự án được hưởng phụ cấp kiêm nhiệm tương ứng với thời gian thực hiện nhiệm vụ kiêm nhiệm. Mức chi phụ cấp quản lý dự án một tháng cho một cá nhân tối đa bằng 50% tiền lương và phụ cấp lương hàng tháng hiện hưởng của cá nhân đó.

4. Phụ cấp chức vụ lãnh đạo của Giám đốc, Phó Giám đốc Ban quản lý dự án do Giám đốc sở, Thủ trưởng ban, ngành cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố quyết định thành lập bằng mức phụ cấp đối với chức danh Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng sở, ban, ngành cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố; phụ cấp chức vụ lãnh đạo của Giám đốc, Phó Giám đốc Ban quản lý dự án được Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.


Chương III ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 7. Trách nhiệm thi hành

Giám đốc sở, Thủ trưởng ban, ngành cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố được giao làm Chủ đầu tư và trực tiếp quản lý dự án phải kiện toàn, củng cố hoặc thành lập Ban quản lý dự án theo đúng quy định tại Quy chế này.

Giao Giám đốc các Sở: Nội vụ, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng và các cơ quan liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình để theo dõi, kiểm tra việc thực hiện Quy chế này.

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, các cơ quan, đơn vị báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ) để xem xét, giải quyết./.


TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Lê Văn Chất